

Bản án số: 59/2023/DS-ST
Ngày: 19 - 7 - 2023
V/v: “Tranh chấp dân sự
về Hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH A**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Liêu K.

2. Bà Diệp Thị Thu N.

- Thư ký phiên tòa: bà Đặng Huỳnh H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Lam E - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2023/TLST-DS ngày 24/3/2023 về việc “Tranh chấp dân sự - Hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2023/QĐXX-DS ngày 21/6/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Nguyễn Thế H , sinh năm 1957 (Chủ hộ kinh doanh Cửa hàng vật tư nông nghiệp Lượng H).

Địa chỉ: khóm Đ , thị trấn N , huyện T , tỉnh A .

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thế H là: ông Phùng Thanh H , sinh năm 1969. (Văn bản ủy quyền ngày 24/3/2023).

Địa chỉ: khóm Đ , thị trấn N , huyện T , tỉnh A .

2. Bị đơn: ông Nguyễn Văn D , sinh năm 1963.

Đăng ký thường trú: ấp T, xã B , huyện T , tỉnh A .

Chỗ ở: ấp Nam H, xã B , huyện T , tỉnh A .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 01/4/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Thế H (do ông Phùng

Thanh H, đại diện) trình bày: vào khoảng năm 2005, ông Nguyễn Văn D nhiều lần đến Cửa hàng vật tư nông nghiệp Lượng H mua phân bón, thuốc trừ sâu để phục vụ sản xuất nông nghiệp. Hình thức mua bán là khách hàng mua hàng trước, sau đó đến vụ thu hoạch lúa mới trả tiền. Sau nhiều lần mua phân bón, thuốc trừ sâu thì đến hết vụ Đông xuân năm 2010, ông D còn nợ ông H 133.840.000 đồng. Ngày 19/6/2010, ông D có làm Tờ cam kết và hứa đến ngày 21/6/2010 sẽ trả 40.000.000 đồng, số tiền còn lại thỏa thuận đến vụ hè thu năm 2010 sẽ trả dứt điểm nhưng ông D không thực hiện theo tờ cam kết. Ngày 12/5/2011, ông D làm Tờ cam kết và có ký tên xác nhận còn nợ ông H gốc, lãi là 176.000.000 đồng. Đến ngày 07/9/2011, ông D trả được 120.000.000 đồng, còn nợ lại 56.000.000 đồng. Mặc dù ông H đã nhiều lần yêu cầu ông D trả 56.000.000 đồng nhưng đến nay ông D vẫn không thực hiện.

Nay ông Nguyễn Thế H yêu cầu ông Nguyễn Văn D có trách nhiệm trả cho ông H số tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu còn nợ 56.000.000 đồng (năm mươi sáu triệu đồng). Tại đơn khởi kiện, ông H yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 07/8/2011 cho đến khi xét xử nhưng nay ông H tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện tại, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như: xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và Điều Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên vi phạm Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* qua xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 430, Điều 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tuyên:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thế H ; buộc ông Nguyễn Văn D trả cho ông Nguyễn Thế H số tiền 56.000.000 đồng.

+ Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lãi suất.

+ Về án phí: bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là tranh chấp dân sự về Hợp đồng mua bán, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Văn D có địa chỉ tại xã Bình Thành, huyện T, tỉnh A nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Văn D đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, các lần triệu tập, ông D đều vắng mặt, không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông D theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung: ông Nguyễn Thế H yêu cầu ông Nguyễn Văn D có trách nhiệm trả cho ông H số tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu còn nợ 56.000.000 đồng (năm mươi sáu triệu đồng). Tại đơn khởi kiện ngày 13/3/2023, ông H yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 07/8/2011 cho đến khi xét xử. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông H tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu tính lãi suất.

[3.1] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Văn D để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; đồng thời đối chiếu nợ. Mặc dù ông D được tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông từ chối ký nhận văn bản và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không lý do. Ông D không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số nợ 56.000.000 đồng.

[3.2] Xét thấy, bị đơn ông Nguyễn Văn D ký tên, điểm chỉ xác nhận vào Tờ cam kết ngày 12/5/2011 nợ ông Nguyễn Thế H 176.000.000 đồng và hẹn đến ngày 30/5/2011 sẽ trả cho ông H 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông D không thực hiện trả tiền đúng thời hạn cam kết mà đến ngày 07/9/2011 ông D trả 120.000.000 đồng nên còn nợ 56.000.000 đồng đến nay chưa trả.

[4] Từ nhận định tại mục [3] Hội đồng xét xử xét thấy, về thời hạn giao dịch mua bán giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập từ năm 2010 (Tờ cam kết ngày 19/6/2010 và cam kết ngày 12/5/2011) cho đến khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền, nên đây là giao dịch đang được thực hiện; nội dung và hình thức giao dịch phù hợp với Bộ luật dân sự năm 2015 nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 là đúng với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xét, giao dịch mua bán giữa ông H với ông D được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, nhằm xác lập quyền, nghĩa vụ của các bên. Ông D ký cam kết nợ ông H số tiền 176.000.000 đồng và đã trả được 120.000.000 đồng (trả ngày 07/9/2011) nên còn nợ 56.000.000 đồng. Do ông D vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông H yêu cầu trả số tiền 56.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại quy định tại

Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về lãi suất, tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 07/9/2011 cho đến khi xét xử nhưng tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu tính lãi suất. Xét, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn ông Nguyễn Văn D bị buộc trả số tiền trên nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn ông Nguyễn Thế H thuộc đối tượng người cao tuổi (có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí) nên được chấp nhận miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

[7] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 430, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thế H .

1.1. Buộc ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thế H (Chủ hộ kinh doanh Cửa hàng vật tư nông nghiệp Lượng H) số tiền 56.000.000 đồng (năm mươi sáu triệu đồng).

1.2. Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

1.3. Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Thế H về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn D trả lãi suất tính trên số tiền 56.000.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Nguyễn Văn D phải chịu 2.800.000 đồng (hai triệu tám trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Ông Nguyễn Thế H thuộc đối tượng người cao tuổi (có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí) nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc

không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh A ;
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Trần Văn H